

**KẾT QUẢ THI TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG A2 THEO KHUNG THAM CHIẾU CHÂU ÂU
(DÀNH CHO SINH VIÊN)**

Kỳ thi ngày 01 tháng 12 năm 2019

TT	SBD	Họ và tên	Phòng thi	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
										NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM	
1	TA01	Bùi Thị Ngọc Anh	01	11/08/1998	Hưng Yên	Kinh	Nữ	D-THUY6B	16DTY0454	15	46	12	73	A2
2	TA02	Đinh Tiến Anh	01	07/02/1998	Thanh Hóa	Mường	Nam	D-THUY6A	16DTY0390	19	46	9	74	A2
3	TA03	Vũ Mạnh Ba	01	08/09/1997	Bắc Giang	Kinh	Nam	D-THUY5A	15DTY0272	19	50	10	79	A2
4	TA04	Nguyễn Văn Cảnh	01	02/03/1995	Bắc Ninh	Kinh	Nam	C-THUY18A	17CTY0101	19	49	9	77	A2
5	TA05	Bùi Ngọc Chiến	01	18/07/1990	Thái Bình	Kinh	Nam	D-QLDD4A	14DQLDD0295	18	51	10	79	A2
6	TA06	Trần Thị Kim Cúc	01	15/12/1999	Bắc Ninh	Kinh	Nữ	D-QLDD7A	17DQLDD0460	21	51	11	83	A2
7	TA07	Hà Duyên Duy	01	28/09/1999	Hà Nội	Kinh	Nam	D-CNTP7A	17DCNTP0145	20	56	13	89	A2
8	TA08	Phạm Văn Duy	01	06/05/1994	Nam Định	Kinh	Nam	D-QLTN4C	14DQLTN0267	20	35	6	61	Không đạt
9	TA09	Trần Quang Đạo	01	03/07/1999	Bắc Giang	Kinh	Nam	C-THUY18A	17CTY0103	19	47	4	70	A2
10	TA10	Nguyễn Văn Đoàn	01	13/05/1998	Bắc Giang	Kinh	Nam	C-THUY18A	17CTY0104	18	42	5	65	Không đạt
11	TA11	Trần Thị Giang	01	26/02/1999	Bắc Giang	Kinh	Nữ	C-THUY18A	17CTY0105	21	51	8	80	A2
12	TA12	Nguyễn Xuân Hải	01	11/05/1998	Bắc Giang	Kinh	Nam	D-KHCT6A	16DKHCT0120	21	50	12	83	A2
13	TA13	Hoàng Thị Hạnh	01	07/11/1996	Lạng Sơn	Kinh	Nữ	D-THUY5B	15DTY0340	22	48	9	79	A2
14	TA14	Nguyễn Thị Hảo	01	08/11/1998	Bắc Giang	Kinh	Nữ	D-BVTV6A	16DBVTV0007	20	50	10	80	A2
15	TA15	Đỗ Thị Hiền	01	25/05/1998	Bắc Giang	Kinh	Nữ	D-BVTV6A	16DBVTV0008	21	51	6	78	A2

TT	SBD	Họ và tên	Phòng thi	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
										NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM	
16	TA16	Nguyễn Thị Linh Hiệp	01	03/05/1998	Bắc Giang	Kinh	Nữ	D-BVTV6A	16DBVTV0009	21	50	13	84	A2
17	TA17	Nguyễn Trung Hiếu	01	18/07/1998	Bắc Giang	Kinh	Nam	D-KHCT6A	16DKHCT0121	23	54	9	86	A2
18	TA18	Trần Minh Hoàn	01	23/10/1997	Bắc Giang	Kinh	Nam	D-BVTV5A	15DBVTV0003	22	50	10	82	A2
19	TA19	Đỗ Minh Hoàng	01	12/11/1996	Bắc Giang	Kinh	Nam	D-THUY5A	15DTY0287	20	47	11	78	A2
20	TA20	Nguyễn Văn Hoàng	01	22/02/1997	Bắc Giang	Kinh	Nam	D-BVTV6A	16DBVTV0010	19	50	9	78	A2
21	TA21	Lê Tiến Hùng	02	04/07/1999	Đồng Nai	Kinh	Nam	D-KHCT7A	17DKHCT0124	18	54	6	78	A2
22	TA22	Nguyễn Thị Huyền	02	26/11/1999	Bắc Giang	Kinh	Nữ	D-CNTP7A	17DCNTP0148	18	52	8	78	A2
23	TA23	Nguyễn Thị Thanh Huyền	02	21/10/1999	Bắc Giang	Kinh	Nữ	D-CNTP7A	17DCNTP0149	17	53	11	81	A2
24	TA24	Phan Thị Thu Huyền	02	25/02/1997	Bắc Giang	Kinh	Nữ	D-KETOAN5A	15DKT0289	16	48	8	72	A2
25	TA25	Nguyễn Trọng Huỳnh	02	17/12/1998	Bắc Giang	Kinh	Nam	D-THUY6C	16DTY0345	18	49	5	72	A2
26	TA26	Mã Huy Khanh	02	20/07/1998	Lạng Sơn	Kinh	Nam	D-KHCT6A	16DCNTY0021	18	52	8	78	A2
27	TA27	Lê Duy Khánh	02	05/11/1998	Bắc Giang	Kinh	Nam	D-BVTV6A	16DBVTV0011	19	53	13	85	A2
28	TA28	Nguyễn Xuân Duy Khánh	02	24/11/1997	Bắc Giang	Kinh	Nam	D-BVTV6A	15DBVTV0005	17	50	3	70	A2
29	TA29	Vũ Thị Khánh	02	02/09/1998	Hải Dương	Kinh	Nữ	D-CNTP6A	16DCNTP0318	18	50	7	75	A2
30	TA30	Nguyễn Phi Kiên	02	01/09/1999	Bắc Giang	Kinh	Nam	C-THUY18A	17CTY0107	17	48	8	73	A2
31	TA31	Giáp Danh Lam	02	01/03/1998	Bắc Giang	Kinh	Nam	D-THUY6C	16DTY0474	17	51	4	72	A2
32	TA32	Trần Văn Lâm	02	19/11/1997	Bắc Giang	Kinh	Nam	D-THUY5A	15DTY0294	18	48	6	72	A2
33	TA33	Trần Tú Linh	02	06/04/1998	Bắc Giang	Kinh	Nữ	D-CNTP6A	16ĐBCLTP0002	18	49	9	76	A2
34	TA34	Mai Văn Lợi	02	16/04/1998	Cần Thơ	Kinh	Nam	D-BVTV6A	16DBVTV0012	18	50	12	80	A2

TT	SBD	Họ và tên	Phòng thi	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
										NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM	
35	TA35	Dương Văn Lý	02	30/08/1997	Bắc Giang	Kinh	Nam	D-THUY5A	15DTY0298	17	47	9	73	A2
36	TA36	Phạm Văn Mạnh	02	27/05/1997	Ninh Bình	Kinh	Nam	D-THUY6A	16DTY0425	17	50	5	72	A2
37	TA37	Lương Thúy Minh	02	16/11/1998	Bắc Giang	Kinh	Nữ	D-CNTP6A	16DCNTP0139	17	51	10	78	A2
38	TA38	Nguyễn Văn Minh	02	22/03/1997	Hà Nội	Kinh	Nam	D-THUY5B	15DTY0356	15	43	8	66	Không đạt
39	TA39	Vũ Hải Nam	02	10/01/1994	Bắc Giang	Kinh	Nam	C-QLDD16A	15CQLDD0634	19	44	9	72	A2
40	TA40	Nguyễn Văn Nhung	02	18/05/1998	Thái Bình	Kinh	Nam	D-CNTY6A	16DCNTY0029	19	48	6	73	A2
41	TA41	Bùi Thị Phụng	03	12/06/1998	Bắc Giang	Kinh	Nữ	D-KINHTE6A	16DKT0024	11	52	9	72	A2
42	TA42	Vi Thị Phụng	03	18/05/2000	Bắc Giang	Nùng	Nữ	D-KHCT8A	18DKHCT0136	18	53	12	83	A2
43	TA43	Dương Thời Quyết	03	06/12/1997	Lạng Sơn	Tày	Nam	C-THUY16A	15CTY0047	17	45	8	70	A2
44	TA44	Lừu Thị Sen	03	28/08/1998	Quảng Ninh	Sán Dìu	Nữ	D-THUY6B	16DTY0495	15	51	10	76	A2
45	TA45	Nguyễn Hà Sơn	03	20/10/1995	Bắc Ninh	Kinh	Nam	D-KETOAN5A	15DKT0368	20	44	8	72	A2
46	TA46	Nguyễn Ngọc Sơn	03	14/01/1996	Hà Nội	Kinh	Nam	D-QLTNR5A	15DQLTNR0062	18	45	8	71	A2
47	TA47	Vũ Trung Thành	03	03/10/1998	Hải Dương	Kinh	Nam	D-THUY6B	16DTY0499	18	53	9	80	A2
48	TA48	Nguyễn Văn Thao	03	04/01/1998	Bắc Giang	Kinh	Nam	D-THUY6C	16DTY0438	17	49	6	72	A2
49	TA49	Phạm Thị Thảo	03	20/01/1998	Bắc Giang	Kinh	Nữ	D-BVTV6A	16DBVTV0014	18	50	11	79	A2
50	TA50	Dương Văn Thạo	03	11/07/1994	Bắc Giang	Kinh	Nam	C-THUY18A	17CTY0111	18	53	10	81	A2
51	TA51	Trần Văn Thi	03	19/09/1998	Hải Dương	Kinh	Nam	D-BVTV6A	16DBVTV0015	18	55	6	79	A2
52	TA52	Vi Đức Thịnh	03	15/12/1998	Bắc Giang	Nùng	Nam	D-QLDD6A	16DQLTN0451	17	41	12	70	A2
53	TA53	Vũ Tiến Thịnh	03	14/01/1998	Yên Bái	Kinh	Nam	D-KHCT7A	17DKHCT0127	19	47	9	75	A2

TT	SBD	Họ và tên	Phòng thi	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Giới tính	Lớp	Mã sinh viên	ĐIỂM THI				Kết quả
										NGHE	ĐỌC + VIẾT	NÓI	TỔNG ĐIỂM	
54	TA54	Nguyễn Duy Thụ	03	06/03/1998	Bắc Ninh	Kinh	Nam	C-THUY18A	17CTY0112	19	44	2	65	Không đạt
55	TA55	Hoàng Anh Tiến	03	20/03/1998	Hà Nam	Kinh	Nam	D-THUY6A	16DTY0440	19	53	7	79	A2
56	TA56	Trần Quốc Toàn	03	28/03/1997	Bắc Giang	Kinh	Nam	D-THUY6C	16DTY0508	19	50	11	80	A2
57	TA57	Nguyễn Thị Trang	03	10/11/1997	Bắc Giang	Kinh	Nữ	D-THUY5B	15DTY0375	18	51	8	77	A2
58	TA58	Dương Minh Trọng	03	22/08/1999	Bắc Giang	Kinh	Nam	C-THUY18A	17CTY0113	16	50	6	72	A2
59	TA59	Lê Xuân Trường	03	26/09/1998	Bắc Giang	Kinh	Nam	D-THUY6C	16DTY0501	18	49	8	75	A2
60	TA60	Hoàng Anh Tùng	03	11/10/1997	Hung Yên	Kinh	Nam	D-KHCT7A	17DKHCT0129	18	45	11	74	A2
61	TA61	Diêm Đăng Tứ	03	20/02/1999	Đắk Lắk	Kinh	Nam	C-THUY18A	17CTY0114	-	-	-	-	Bỏ thi

Số thí sinh theo danh sách: **61**

Số thí sinh bỏ thi: **1**

Số thí sinh dự thi: **60**

Kết quả thi:

Số thí sinh không đạt: **4**

Số thí sinh đạt chứng nhận Tiếng Anh trình độ A2: **56**

Thư ký Hội đồng thi

(Đã ký)

Nghiêm Xuân Đạt

Bắc Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng thi

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. Nguyễn Tuấn Điệp